TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - TP HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 115/2025/DS-ST
Ngày: 15/8/2025
Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà -** Thẩm phán.
Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Minh** và Bà **Lê Quỳnh Hoa**
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực I, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2025/TLST-DS ngày 26/5/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 11/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐDS-ST ngày 29/7/2025, giữa:

*** Đồng Nguyên đơn:**

1. Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số 89 L, phường D, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc T, theo Văn bản ủy quyền số 0496/2025/UQN-LCC-KHCN ngày 01/4/2024. Địa chỉ liên hệ: Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

(Ông T vắng mặt tại phiên toà)

2. Công ty CP M. Trụ sở: Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T, phường Y, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1. Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại điện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Trung H, ông Nguyễn Phúc T theo Văn bản ủy quyền số 16204/2025/UQ-XLN-P ngày 01/4/2024.

(Ông Trung H có mặt tại phiên toà)

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Đức D**. Sinh năm 1992. HKTT: Tổ 5 P, phường H, thành phố Hà Nội. *(Địa chỉ cũ: Tổ 5 P, phường P, quận H, Hà Nội)*. Hiện ở tại: Số 5D, ngõ 464 đường C, phường H, Hà Nội. *(Địa chỉ cũ: Số 5D, ngõ 464 đường C, phường N, quận T, Hà Nội)*

(Ông D vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện năm 2024 không đề ngày tháng của Ngân hàng TMCP V, Bản tự khai đề ngày 06/6/2025 của ông Lê Trung H, Nguyễn Ngọc T nộp cùng tài liệu Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-P ngày 28/03/2025 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty CP M và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V - Ông T,***

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Công ty CP M - ông Trung H trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Đức D đã ký kết các văn bản tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2309070189625 ngày 13/09/2023, ông Nguyễn Đức D vay vốn tại V số tiền 320,000,000 đồng; Thời hạn vay là 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn là vay tiêu dùng mua sắm nội thất. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân là 12%/năm. Sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần….., mức lãi suất điều chỉnh được xác định = lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được V công bố (được niêm yết tại website…) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 2,5%/năm.

Sau khi ký hợp đồng cho vay, V đã tiến hành giải ngân số tiền vay bằng tiền mặt cho khách hàng, người nhận tiền mặt là ông Nguyễn Đức D. Sau đó ông D giao tiền cho bà Nguyễn Thị H, có các tài liệu do khách hàng đề xuất và CCCD, cam kết giải ngân tiền mặt.

- Hợp đồng cho vay số LN2203155372759 ngày 17/03/2022, ông Nguyễn Đức D vay vốn tại V số tiền 920,000,000 đồng; Thời hạn vay là 68 tháng; Mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua ô tô. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân là 9,5%/năm. Sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần….., mức lãi suất điều chỉnh được xác định = lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 68 tháng được V công bố (được niêm yết tại website…) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,4%/năm.

Sau khi ký hợp đồng cho vay, V đã tiến hành giải ngân số tiền vay vào tài khoản bên thụ hưởng là ông Đỗ Xuân L theo thoả thuận tại Giấy đề nghị giải ngân ngày 17/3/2022.

Để đảm bảo khoản vay, V và ông D đã ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2203155372759 ngày 17/3/2022 với tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu AUDI A4, số khung WAUZZZF47GA057082, số máy CVK009160. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-551.42 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hòa Bình cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Đức D. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay do ông D quản lý sử dụng, V hiện cầm giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo thoả thuận giữa hai bên. V đã yêu cầu ông D bàn giao tài sản bảo đảm do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay nhưng đến nay ông D không bàn giao xe.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đức D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Cụ thể:

Theo Hợp đồng cho vay số LN2309070189625 ngày 13/09/2023, ông Nguyễn Đức D đã trả V số tiền nợ gốc 42.667.543 đồng, trả nợ lãi 23.831.418 đồng. Kể từ ngày 15/6/2024, ông D không tiếp tục trả nợ, khoản vay chuyển sang quá hạn.

Theo Hợp đồng cho vay số LN2203155372759 ngày 17/03/2022, ông Nguyễn Đức D đã trả V số tiền nợ gốc 365.283.000 đồng, số tiền nợ lãi

204.549.179 đồng. Kể từ ngày 15/6/2024, ông D không tiếp tục trả nợ, khoản vay chuyển sang quá hạn.

Ngày 28/03/2025, Ngân hàng TMCP V (V) và Công Ty Cổ Phần M giao dịch thoả thuận, theo đó V đồng ý bán, Công Ty P đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Đức D, hai bên ký kết Hợp đồng Mua bán nợ số 09/2025/VPB-P và Phụ lục 01 đính kèm giữa cụ thể như sau: Khoản nợ được mua bán là một phần với tỷ lệ 95% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2203155372759 ngày 17/03/2022 và một phần với tỷ lệ 95% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2309070189625 ngày 13/09/2023.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công Ty P kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công Ty P.

Quá trình xử lý khoản vay, V và Công Ty P đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Đức D thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho V Công Ty P tuy nhiên ông Nguyễn Đức D không thực hiện.

Đồng nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Đức D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần P và V tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/06/2025 là: 1.007.849.992 đồng, cụ thể như sau:

Đối với Công Ty P, ông D còn nợ gốc là 790.446.984 đồng, nợ lãi 167.010.508, tổng cộng dư nợ là 957.457.492 đồng.

Đối với V, ông D còn nợ gốc là 41.602.473 đồng; nợ lãi là 8.790.027 tổng cộng dư nợ là 50.392.500 đồng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Nguyễn Đức D thực tế thanh toán hết nợ cho Công Ty P và V. Lãi phát sinh phải trả cho P và V tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Đức D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho P và V thì P và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho P và/hoặc V, tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu AUDI A4, số khung WAUZZZF47GA057082, số máy CVK009160. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-551.42 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hòa Bình cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Đức D. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công Ty P và V theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, P và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P và/hoặc V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – ông Nguyễn Đức D không đến Toà, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ, không đưa tài sản bảo đảm tín dụng đến phiên làm việc xem xét thẩm định tại chỗ.

***Tại phiên tòa**: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Đồng nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị HĐXX buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ khoản vay tín dụng theo các hợp đồng LN2309070189625 ký kết ngày 19/9/2023, ông D còn nợ 333.838.581 đồng; trong đó: Dư nợ của Công Ty P (tỷ lệ 95%) là 315.121.935 đồng, trong đó: nợ gốc: 263.465.834 đồng, lãi trong hạn: 2.986.945 đồng, lãi quá hạn: 48.669.156 đồng, lãi chậm trả 0 đồng. Dư nợ của V (tỷ lệ 5%) là 18.716.646 đồng, trong đó: nợ gốc: 13.866.623 đồng, lãi trong hạn: 157.208 đồng, lãi quá hạn: 4.692.815 đồng, lãi chậm trả 0 đồng. Tổng dư nợ của hợp đồng LN2309070189625 là 333.838.581 đồng, trong đó: nợ gốc: 277.332.457 đồng, lãi trong hạn: 3.144.153 đồng, lãi quá hạn: 53.361.971 đồng, lãi chậm trả: 0 đồng. Lý do đồng nguyên đơn cần thời gian thoả thuận với khách hàng về phương thức thanh toán.

Đồng nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khác đã có trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hoà giải tại Toà án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên toà sơ thẩm.

Số liệu đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ khoản vay tín dụng tạm tính đến phiên toà sơ thẩm theo hợp đồng LN 2203155372759 ngày vay 17/3/2022, ông D còn nợ 707.521.572 đồng; trong đó: Dư nợ của Công Ty P (tỷ lệ 95%) là 672.145.494 đồng, trong đó: nợ gốc: 526.981.150 đồng, lãi trong hạn: 8.618.650 đồng, lãi quá hạn: 136.545.694 đồng, lãi chậm trả 0 đồng. Dư nợ của V (tỷ lệ 5%) là 35.376.078 đồng, trong đó: nợ gốc: 27.735.850 đồng, lãi trong hạn: 453.613 đồng, lãi quá hạn: 7.186.615 đồng, lãi chậm trả 0 đồng. Tổng dư nợ của hợp đồng LN2203155372759 là 707.521.572 đồng, trong đó: nợ gốc: 554.717.000 đồng, lãi trong hạn: 9.072.263 đồng, lãi quá hạn: 143.732.309 đồng, lãi chậm trả: 0 đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn do đồng nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Cụ thể chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo số liệu tạm tính đến phiên toà sơ thẩm, tuyên nghĩa vụ tiếp tục trả lãi, quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc đề nghị được tuyên quyền kê biên, phát mại tài sản khác của bị đơn do không có thoả

thuận trong văn bản tín dụng, đồng thời việc tuyên quyền kê biên, phát mại tài sản khác của bị đơn thuộc phạm vi thi hành bản án có hiệu lực của Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án**:

[1.1]. Tranh chấp giao dịch dân sự tín dụng giữa pháp nhân và khách hàng Nguyễn Đức D mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu cuộc sống, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại Số 5D, ngõ 464 đường C, phường H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35 khoản 1 điểm a; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng thẩm quyền.

[2]. **Về thủ tục tố tụng**:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ, không đưa tài sản bảo đảm tín dụng đến phiên làm việc xem xét thẩm định tại chỗ, HĐXX thấy rằng đây là sự lựa chọn tự nguyện của bị đơn tự từ bỏ quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Ngày 29/7/2025, bị đơn vắng mặt không có lý do, Ngày 15/8/2025, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Tại phiên toà, đồng nguyên đơn có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do cần thời gian thoả thuận với khách hàng về phương thức thanh toán. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, được HĐXX chấp nhận. Do đó, cần đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

[3]. **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**:

[3.1]. **Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2203155372759 ký ngày 17/3/2022** (số tiền vay 920.000.000 đồng), Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/3/2022, đã ký kết giữa V và ông Nguyễn Đức D có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng tín dụng đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.2.1]. Ngày 17/3/2022, Ngân hàng tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền 920.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản đến tài khoản ông Đỗ Xuân L theo thoả thuận tại Giấy đề nghị giải ngân ngày 17/3/2022 để thanh toán số tiền mua xe ô tô cũng là tài sản bảo đảm cho khoản vay.

[3.2.2]. Tại Giấy đề nghị giải ngân ngày 17/3/2022, hai bên thoả thuận lãi suất cho vay Thời hạn vay là 68 tháng; Mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua ô tô. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân là 9,5%/năm. Sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần….., mức lãi suất điều chỉnh được xác định = lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 68 tháng được V công bố

(được niêm yết tại website…) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,4%/năm.

[3.2.2]. Theo các tài liệu do đồng nguyên đơn giao nộp, Bảng kê tính toán số liệu nợ của bị đơn tính đến phiên toà sơ thẩm của đồng nguyên đơn thấy rằng đồng nguyên đơn đã tính toán đúng quy định về số liệu của khoản nợ của bị đơn. Xác định, ngày 15/6/2024, khoản vay chuyển sang quá hạn, tính đến phiên toà sơ thẩm bị đơn còn nợ đồng nguyên đơn tổng số tiền 707.521.572 đồng.

[3.3]. **Xét Hợp đồng thế chấp số 0815859/TC ngày 17/3/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/PLHĐ ngày 13/9/2023** ký kết giữa ông Nguyễn Đức D và Ngân hàng TMCP V (V) có nội dung tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu AUDI A4, số máy CVK009160, số khung WAUZZZF47GA057082. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-551.42 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hòa Bình cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Đức D. Ngân hàng đã thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản ngày 17/03/2022. Hợp đồng thế chấp có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội.. Do vậy hợp đồng thế chấp đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.3.1]. Tại Điều 3 "Nghĩa vụ được bảo đảm" của Hợp đồng thế chấp ông Nguyễn Đức D và Ngân hàng TMCP V (V) đã thoả thuận tài sản thế chấp có nghĩa vụ bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai của bên bảo đảm phát sinh từ các văn kiện tín dụng được ký kết giữa ông D và V.

[3.3.2]. Ông Nguyễn Đức D đã không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc lãi, lãi chậm trả lãi, không thực hiện nghĩa vụ bàn giao tài sản bảo đảm cho V nên yêu cầu khởi kiện của Đồng nguyên đơn đề nghị được tuyên quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ có căn cứ theo Điều 317, Điều 320, Điều 323 của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.4]. **Xét Hợp đồng Mua bán nợ số 09/2025/VPB-P ngày 28/03/2025 và Phụ lục 01 đính kèm cùng ngày 28/3/2025** được ký kết giữa V và Công ty CP M có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội.. Do vậy hợp đồng chuyển nhượng, mua bán nợ đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

V (Bên bán nợ) và Công ty CP M (Bên mua nợ) xác nhận giao dịch mua bán toàn bộ khoản nợ của khách hàng Nguyễn Đức D với tỷ lệ mua bán khoản nợ là 95% tổng khoản nợ, đồng thời mua bán Hợp đồng bảo đảm cho khoản vay với tài sản bảo đảm được xác định theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Do vậy, xác định Công ty CP M được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ 95% giá trị khoản nợ mà bị đơn Nguyễn Đức D có trách nhiệm trả nợ đồng thời có quyền hưởng 95% giá trị tài sản bảo đảm khi thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3.6]. **Với nhận định như trên**, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn đối với bị đơn. Tuy nhiên, đối với yêu cầu "Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, P và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P và/hoặc V cho đến khi thực tế

trả hết (các) khoản nợ.". Xét văn bản tín dụng ký kết giữa hai bên không có thoả thuận này, việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật có quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành án nên HĐXX không xem xét yêu cầu này.

[4]. **Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 323, Điều 429, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Đồng nguyên đơn gồm Ngân hàng TMCP V, Công ty CP M đối với bị đơn – ông Nguyễn Đức D về việc: đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Đức D phải trả cho Ngân hàng TMCP V, Công ty CP M tạm tính đến ngày 15/8/2025 có tổng số tiền 333.838.581 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309070189625 ngày 13/09/2023, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 13/9/2023.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đồng nguyên đơn gồm Ngân hàng TMCP V, Công ty CP M đối với bị đơn – ông Nguyễn Đức D đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2203155372759 ký ngày 17/3/2022 (số tiền vay 920.000.000 đồng), Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/3/2022, **Hợp đồng thế chấp số 0815859/TC ngày 17/3/2022,** Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/PLHĐ ngày 13/9/2023, **Hợp đồng Mua bán nợ số 09/2025/VPB-P ngày 28/03/2025,** Phụ lục 01 đính kèm cùng ngày 28/3/2025, **cụ thể như sau:**

1. Buộc ông Nguyễn Đức D phải trả cho Ngân hàng TMCP V, Công ty CP M tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2024 với tổng số tiền **707.521.572 đồng (Bảy trăm linh bảy triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng),** trong đó:

- Nợ gốc: 554.717.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 9.072.263 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 143.732.309 đồng

1.2. Trong tổng số tiền **707.521.572 đồng, Bị đơn – ông Nguyễn Đức D có nghĩa vụ phải trả cụ thể cho từng đồng nguyên đơn theo số liệu như sau:**

LN2203155372759	Gốc	Lãi			Tổng
		Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	
P (95%)	526.981.150	8.618.650	136.545.694	0	672.145.494
V (5%)	27.735.850	453.613	7.186.615	0	35.376.078
Tổng	554.717.000	9.072.263	143.732.309	0	707.521.572

1.3. Buộc ông Nguyễn Đức D có nghĩa vụ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (16/8/2025) tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP V, Công ty CP M cho đến ngày ông Nguyễn Đức D thanh toán được toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2203155372759 ký ngày 17/3/2022, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/3/2022;

1.4. Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Đức D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho P và V thì P và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho P và/hoặc V, tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu AUDI A4, số khung WAUZZZF47GA057082, số máy CVK009160. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-551.42 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hòa Bình cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Đức D. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc Tài sản thế chấp.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công Ty P và V theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

III. Không xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về nội dung yêu cầu "Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, P và/hoặc V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức D để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P và/hoặc V cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ."

IV. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP V được trả lại **18.523.000 đồng** (Mười tám triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội. Biên lai tạm ứng án phí số 0069061 ngày 18/10/2024.

2.2. Ông Nguyễn Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **32.300.863 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng).**

V. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Công ty CP M, vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V, vắng mặt ông Nguyễn Đức D.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

VI. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV1-Hà Nội;
- Phòng Thi hành án DS KV1-Hà Nội;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THU HÀ